

Bản án số: 240/2020/HS-PT

Ngày 20 - 5 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Nam.

Các Thẩm phán: 1. Ông Huỳnh Văn Trục.

2. Bà Nguyễn Hoàng Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 177/2020/TLPT-HS ngày 13/4/2020 đối với bị cáo Nguyễn Văn T do có kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của bị hại ông Nguyễn Trần N đối với bản án hình sự sơ thẩm số 12/2020/HS-ST ngày 03/3/2020 của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1974 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 01 đường A, Khu phố 1, phường A, Quận 2, Thành phố M; nghề nghiệp: nhân viên; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị O; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại “có mặt”.

Bị hại có kháng cáo: ông Nguyễn Trần N, sinh năm 1982, địa chỉ: 02 B, Phường 10, Quận I, Thành phố M “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 30 phút, ngày 17/10/2018, ông Nguyễn Trần N thả chó của mình chạy ra đường hẻm 46, trước nhà ông N đang ở tại số 02 đường A, phường A, Quận 2, Thành phố M. Cùng lúc đó, bị cáo Nguyễn Văn T ra mở

cửa công thì thấy chó của ông N đứng trước cửa công nhà mình đi vệ sinh. Bị cáo T liền lấy ổ khóa công đang cầm trên tay ném vào con chó. Sau đó, bị cáo T đi nhặt lại ổ khóa công và cầm ở tay trái. Ông N thấy vậy liền chạy lại chỗ bị cáo T đứng. Hai bên cự cãi nhau một lúc rồi dẫn đến xô xát, đánh nhau. Ông N sử dụng tay không đánh nhau với bị cáo T, còn bị cáo T cầm ổ khóa bằng tay trái đánh vào mặt ông N. Cả hai tiếp tục xô xát nhau từ ngoài công kéo vào trong phòng khách nhà bị cáo T. Lúc này, bà Trịnh Thị Hoàn K (vợ của ông N), bà Đào Thị Hồng N (vợ của bị cáo T) cùng ông Nguyễn Thanh S (hàng xóm) đến can ngăn nhưng đến khi cả bị cáo T và ông N cùng chạy ra ngoài đường thì sự việc trên mới chấm dứt. Sau đó, ông Nguyễn Trần N đến Công an phường A trình báo sự việc và có đơn tố cáo, yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 1039/TgT.18 ngày 19/12/2018 của Trung tâm pháp y - Sở Y tế Thành phố M kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 28% (Hai mươi tám phần trăm).

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích (Giám định bổ sung) số 1039.B/TgT.18-19 ngày 02/5/2019 của Trung tâm pháp y - Sở Y tế Thành phố M kết luận: Theo bản kết luận giám định pháp y số 1039/TgT.18: Tại vùng đầu thì cả ổ khóa và mặt kính như cung cấp đều có thể gây ra được; tại vùng trán mũi thì ổ khóa như cung cấp phù hợp gây ra được thương tích như đã giám định, còn mặt kính thì không phù hợp.

Tại Công an phường A và Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Quận 2 lời khai của bị cáo Nguyễn Văn T không có sự thống nhất về diễn biến tại thời điểm bị cáo T và ông N xảy ra xô xát ngoài công. Lúc thì bị cáo T khai: *“sau khi bị N đâm vào mặt, tôi xô N ra ngoài rồi bỏ chạy vào trong nhà”*; lúc thì khai *“sau khi bị N đâm vào mặt, tôi phản xạ dùng tay trái cầm ổ khóa đánh về phía N, chiều hướng từ trái qua phải, không biết có trúng N hay không”*; lúc thì khai *“sau khi bị N đâm vào mặt, tôi tức quá dùng tay trái có cầm ổ khóa đánh về phía N, trúng hay không trúng thì không biết”*; lúc thì khai *“sau khi bị N đâm vào mặt, tôi quơ tay về phía N từ trái qua phải, chéch từ trên xuống, từ ngoài vào trong, vị trí quơ về phía N khoảng phía trên phần đầu của N và khẳng định không trúng N và khai N tiếp tục tấn công, và tôi vừa lùi vừa quơ hai tay, lúc này tay trái cầm ổ khóa”*; lúc thì khai *“sau khi bị N đâm vào mặt, tôi có dùng tay cầm ổ khóa quơ về phía N, trúng hay không trúng thì T không biết”* và đặc biệt luôn khẳng định vết thương của ông N là do ông N tự ngã vào mặt kính bàn trong phòng khách. Tuy nhiên, tại Biên bản hỏi cung, Bản tự khai ngày 15/10/2019 bị cáo T có T độ ăn năn hối cải, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, dùng ổ khóa là hung khí gây thương tích cho bị hại Nguyễn Trần N, lời khai này phù hợp với kết quả điều tra vụ án.

Tài liệu, đồ vật Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Quận 2 thu giữ:

Số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng đây là số tiền mà bị cáo Nguyễn Văn T tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho ông Nguyễn Trần N.

Về trách nhiệm dân sự và bồi thường thiệt hại: Ông Nguyễn Trần N yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường chi phí điều trị gồm: Tiền viện phí, tiền phẫu thuật thẩm mỹ và tổn thất tinh thần là 200.000.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 12/2020/HS-ST ngày 03/3/2020 của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho ông Nguyễn Trần N khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần số tiền 74.500.000 (bảy mươi bốn triệu, năm trăm nghìn) đồng.

Trả cho bị hại ông Nguyễn Trần N số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng là số tiền mà bị cáo T nộp để bồi thường thiệt hại theo Biên lai thu tiền số AD/2011/08198 ngày 30/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Bị cáo T còn phải bồi thường cho ông Nguyễn Trần N số tiền là 54.500.000 (năm mươi bốn triệu, năm trăm nghìn) đồng, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Áp dụng Điều 30 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Giành cho ông Nguyễn Trần N quyền khởi kiện về yêu cầu bồi thường chi phí điều trị đối với bị cáo T trong vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 13/3/2020 bị cáo Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo và bổ sung ngày 17/3/2020 yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho hưởng án treo và phần bồi thường dân sự.

Ngày 14/3/2020 bị hại ông Nguyễn Trần N có đơn kháng cáo xin xem xét bị cáo T không có T độ khai báo thành khẩn như án sơ thẩm nhận định và yêu cầu buộc bị cáo bồi thường cho ông số tiền 200.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với bản án sơ thẩm đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét cho hưởng án treo và phân trách nhiệm bồi thường tổn thất tinh thần cho bị hại.

Bị hại ông Nguyễn Trần N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ nhận định bản án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và tình tiết người bị hại cũng có lỗi là có thiếu sót. Xét kháng cáo của bị cáo là không có cơ sở nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt và phần dân sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị hại về việc không áp dụng tình tiết T độ khai báo thành khẩn cho bị cáo.

Bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bị hại vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bị cáo nói lời nói sau cùng xin được áp dụng hình phạt án treo và xem xét phần bồi thường.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khoảng 06 giờ 30 phút, ngày 17/10/2018 tại trước số 02 đường A, phường A, Quận 2, Thành phố M. Do xuất phát từ mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống giữa bị cáo Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Trần N, thiếu kiềm chế bản thân nên bị cáo T và ông N đã xảy ra xô xát, đánh nhau. Bị cáo T đã dùng ổ khóa cổng gây thương tích cho ông N với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 28%. Sau đó, ông Nguyễn Trần N đến Công an phường A trình báo sự việc và có đơn tố cáo, yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, không oan sai.

Và khi lượng hình cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện và có đề nghị sửa chữa bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả thêm cho bị hại, bị cáo phạm tội lần đầu, bản thân chưa có tiền án, tiền sự được quy định tại điểm b điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo 02 (hai) năm tù là có căn cứ nhưng không áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2

Điều 51 Bộ luật Hình sự là có thiếu sót. Và trong vụ án này bị hại cũng có lỗi đây là tình tiết giảm nhẹ mà cấp sơ thẩm chưa xem xét cho bị cáo.

Ngoài ra, bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và việc cho họ hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo. Nên Hội đồng xét xử quyết định không cần phải bắt họ chấp hành hình phạt tù mà cho họ hưởng án treo có ấn định thời gian thử thách theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Tòa án cấp sơ thẩm đã giành quyền khởi kiện về bồi thường chi phí điều trị cho ông Nguyễn Trần N là có căn cứ. Chỉ giải quyết yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần là có cơ sở nhưng khi lấy mức lương cơ sở là 1.490.000 đồng/tháng để tính bồi thường là không đúng mà phải lấy mức lương cơ sở là 1.390.000 đồng/tháng theo quy định của Nghị định số 72/2018/NĐ-CP ngày 15/8/2018 (áp dụng từ ngày 01/7/2018 đến ngày 30/6/2019) vì thời điểm xảy ra vụ án là ngày 17/10/2018. Còn mức lương cơ sở là 1.490.000 đồng/tháng áp dụng từ ngày 01/7/2019 theo quy định tại Nghị quyết số 70/2018/QH14 ngày 09/11/2018. Ngoài ra, theo quy định tại khoản 2 Điều 590 Bộ luật Dân sự thì mức bồi thường tổn thất về tinh thần tối đa không quá 50 lần mức lương cơ sở thì với mức tổn thương cơ thể của bị hại là 28% từ mâu thuẫn nhỏ không đáng có trong cuộc sống mà hai bên có thể hòa giải để giữ gìn hòa khí láng giềng, bởi lẽ Điều 134 Bộ luật Hình sự còn có hậu quả chết người; gây thương tích làm biến dạng vùng mặt của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; mức tổn thương về cơ thể đến 61% mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng mức tối đa để buộc bị cáo bồi thường cho bị hại là chưa đánh giá toàn diện mức độ tổn thất tinh thần. Do đó, cấp phúc thẩm áp dụng mức 1/2 của điều luật là thỏa đáng, cụ thể: $25 \times 1.390.000 \text{ đồng} = 34.750.000 \text{ đồng}$, được khấu trừ vào số tiền 20.000.000 đồng mà bị cáo đã tự nguyện nộp nên còn phải có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại số tiền 14.750.000 đồng.

[3] Với lập luận trên đây, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị hại; chấp nhận một phần quan điểm của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[4] Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền còn phải bồi thường cho bị hại; bị hại chịu án phí hình sự phúc thẩm theo qui định tại điểm d khoản 1 Điều 12, điểm g khoản 1 điểm đ điểm e điểm h khoản 2 Điều 23, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án có hiệu lực ngày 01/01/2017.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 30, Điều 355 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b điểm i khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 590 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 12, Điều 23, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án có hiệu lực ngày 01/01/2017.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T, không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Trần N và sửa bản án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính kể từ ngày tuyên án 20/5/2020.

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân phường Thanh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

Buộc bị cáo T bồi thường số tiền tổn thất tinh thần còn lại cho ông Nguyễn Trần N là 14.750.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Giao cho ông Nguyễn Trần N số tiền 20.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AD/2011/08198 ngày 30/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giành quyền khởi kiện cho ông Nguyễn Trần N về yêu cầu bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 737.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Trần N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp cao tại Tp. HCM (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM; (1)
- VKSND Quận 2; (1)
- P. PC 53 - CATP; (1)
- Bị cáo; (1)
- Chi Cục THA Quận 2; (1)
- TAND Quận 2; (2)
- Công an Quận 2; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: THS, hồ sơ, VT (22). (6)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Đức Nam

